

Số: /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính ngành Công Thương thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi tỉnh Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 118/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Công Thương tại Tờ trình số 5017/TTr-SCT ngày 18 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này 100% thủ tục hành chính ngành công thương thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi tỉnh Đồng Nai (phụ lục Danh mục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2025 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính ngành Công Thương thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương; Chủ tịch UBND cấp xã; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC (VPCP);
- Bộ Công Thương;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HCC. KTNS, KTN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Trường Sơn

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NGÀNH CÔNG THƯƠNG THỰC HIỆN
KHÔNG PHỤ THUỘC VÀO ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH TRONG PHẠM VI TỈNH ĐỒNG NAI
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cấp thực hiện	Hình thức thực hiện không phụ thuộc vào địa giới			Ghi chú
					Trực tuyến	Dịch vụ BCCI	Trực tiếp	
1.	2.001434	Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp tỉnh	Lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Cấp tỉnh	X			
2.	2.001433	Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp tỉnh	Lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Cấp tỉnh	X			
3.	1.003401	Thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	Lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Cấp tỉnh	X			
4.	2.000229	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	Lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Cấp tỉnh	X			
5.	2.000210	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	Lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Cấp tỉnh	X			
6.	1.013058	Cấp điều chỉnh giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp tỉnh	Lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Cấp tỉnh	X			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cấp thực hiện	Hình thức thực hiện không phụ thuộc vào địa giới			Ghi chú
					Trực tuyến	Dịch vụ BCCI	Trực tiếp	
7.	1.000998	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ	Lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Cấp tỉnh	X			
8.	1.000965	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ	Lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Cấp tỉnh	X			
9.	2.000221	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ	Lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Cấp tỉnh	X			
10.	2.000172	Cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ	Lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Cấp tỉnh	X			
11.	2.001547	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	Lĩnh vực hóa chất	Cấp tỉnh	X			
12.	2.001175	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	Lĩnh vực hóa chất	Cấp tỉnh	X			
13.	2.001172	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	Lĩnh vực hóa chất	Cấp tỉnh	X			
14.	1.002758	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	Lĩnh vực hóa chất	Cấp tỉnh	X			
15.	2.001161	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	Lĩnh vực hóa chất	Cấp tỉnh	X			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cấp thực hiện	Hình thức thực hiện không phụ thuộc vào địa giới			Ghi chú
					Trực tuyến	Dịch vụ BCCI	Trực tiếp	
16.	2.000652	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.	Lĩnh vực hóa chất	Cấp tỉnh	X			
17.	1.011506	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	Lĩnh vực hóa chất	Cấp tỉnh	X			
18.	1.011507	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	Lĩnh vực hóa chất	Cấp tỉnh	X			
19.	1.011508	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	Lĩnh vực hóa chất	Cấp tỉnh	X			
20.	1.003820	Cấp giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1	Lĩnh vực hóa chất	Cấp tỉnh	X			
21.	1.003775	Cấp lại giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1	Lĩnh vực hóa chất	Cấp tỉnh	X			
22.	2.001585	Cấp giấy điều chỉnh giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1	Lĩnh vực hóa chất	Cấp tỉnh	X			
23.	1.003724	Cấp giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2 và hóa chất Bảng 3	Lĩnh vực hóa chất	Cấp tỉnh	X			
24.	2.001722	Cấp lại giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2 và hóa chất Bảng 3	Lĩnh vực hóa chất	Cấp tỉnh	X			
25.	1.004031	Cấp điều chỉnh giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2 và hóa chất Bảng 3	Lĩnh vực hóa chất	Cấp tỉnh	X			
26.	2.000431	Cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	Lĩnh vực hóa chất	Cấp tỉnh	X			
27.	2.000257	Cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	Lĩnh vực hóa chất	Cấp tỉnh	X			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cấp thực hiện	Hình thức thực hiện không phụ thuộc vào địa giới			Ghi chú
					Trực tuyến	Dịch vụ BCCI	Trực tiếp	
28.	1.012429	Cấp lại giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	Lĩnh vực hóa chất	Cấp tỉnh	X			
29.	1.012430	Cấp điều chỉnh giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	Lĩnh vực hóa chất	Cấp tỉnh	X			
30.	1.012431	Cấp gia hạn giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	Lĩnh vực hóa chất	Cấp tỉnh	X			
31.	1.012432	Cấp lại giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	Lĩnh vực hóa chất	Cấp tỉnh	X			
32.	1,012,433	Cấp điều chỉnh giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	Lĩnh vực hóa chất	Cấp tỉnh	X			
33.	1.012434	Cấp gia hạn giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	Lĩnh vực hóa chất	Cấp tỉnh	X			
34.	1.012438	Cấp giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	Lĩnh vực hóa chất	Cấp tỉnh	X			
35.	1.012439	Cấp lại giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	Lĩnh vực hóa chất	Cấp tỉnh	X			
36.	1.012440	Cấp điều chỉnh giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	Lĩnh vực hóa chất	Cấp tỉnh	X			
37.	1.012441	Cấp giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	Lĩnh vực hóa chất	Cấp tỉnh	X			
38.	1.012442	Cấp lại giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	Lĩnh vực hóa chất	Cấp tỉnh	X			
39.	1.012443	Cấp điều chỉnh giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	Lĩnh vực hóa chất	Cấp tỉnh	X			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cấp thực hiện	Hình thức thực hiện không phụ thuộc vào địa giới			Ghi chú
					Trực tuyến	Dịch vụ BCCI	Trực tiếp	
40.	1.001158	Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa	Lĩnh vực Công nghiệp nặng	Cấp tỉnh	X			
41.	1.001158	Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa	Lĩnh vực Công nghiệp địa phương	Cấp tỉnh	X			
42.	2.000147	Cấp Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp	Lĩnh vực Khoa học công nghệ	Cấp tỉnh	X			
43.	1.013004	Cấp giấy chứng nhận đăng ký phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đầu nối với hệ thống điện quốc gia	Lĩnh vực Điện lực	Cấp tỉnh	X			
44.	1.013005	Điều chỉnh, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đầu nối với hệ thống điện quốc gia	Lĩnh vực Điện lực	Cấp tỉnh	X			
45.	2.002676	Thông báo phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đầu nối với hệ thống điện quốc gia	Lĩnh vực Điện lực	Cấp tỉnh	X			
46.	1.013394	Phê duyệt danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp	Lĩnh vực Điện lực	Cấp tỉnh	X			
47.	1.013395	Điều chỉnh danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp	Lĩnh vực Điện lực	Cấp tỉnh	X			
48.	1.013401	Cấp giấy phép hoạt động phát điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Lĩnh vực Điện lực	Cấp tỉnh	X			
49.	1.013411	Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Lĩnh vực Điện lực	Cấp tỉnh	X			
50.	1.013412	Cấp giấy phép hoạt động bán buôn điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Lĩnh vực Điện lực	Cấp tỉnh	X			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cấp thực hiện	Hình thức thực hiện không phụ thuộc vào địa giới			Ghi chú
					Trực tuyến	Dịch vụ BCCI	Trực tiếp	
51.	1.013416	Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Lĩnh vực Điện lực	Cấp tỉnh	X			
52.	1.013417	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)	Lĩnh vực Điện lực	Cấp tỉnh	X			
53.	1.013418	Cấp gia hạn giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Lĩnh vực Điện lực	Cấp tỉnh	X			
54.	1.013419	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Lĩnh vực Điện lực	Cấp tỉnh	X			
55.	1.013421	Thu hồi giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Lĩnh vực Điện lực	Cấp tỉnh	X			
56.	1.013420	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng.	Lĩnh vực Điện lực	Cấp tỉnh	X			
57.	2.001322	Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Lĩnh vực an toàn đập, hồ chứa thủy điện	Cấp tỉnh	X			
58.	2.001292	Điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Lĩnh vực an toàn đập, hồ chứa thủy điện	Cấp tỉnh	X			
59.	2.001300	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Lĩnh vực an toàn đập, hồ chứa thủy điện	Cấp tỉnh	X			
60.	2.001384	Phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện	Lĩnh vực an toàn đập, hồ chứa thủy điện	Cấp tỉnh	X			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cấp thực hiện	Hình thức thực hiện không phụ thuộc vào địa giới			Ghi chú
					Trực tuyến	Dịch vụ BCCI	Trực tiếp	
61.	1.013398	Điều chỉnh phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Lĩnh vực an toàn đập, hồ chứa thủy điện	Cấp tỉnh	X			
62.	1.013399	Thẩm định, phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Lĩnh vực an toàn đập, hồ chứa thủy điện	Cấp tỉnh	X			
63.	1.013400	Điều chỉnh phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Lĩnh vực an toàn đập, hồ chứa thủy điện	Cấp tỉnh	X			
64.	2.001313	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Lĩnh vực an toàn đập, hồ chứa thủy điện	Cấp tỉnh	X			
65.	2.000591	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	Lĩnh vực an toàn thực phẩm	Cấp tỉnh	X			
66.	2.000535	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	Lĩnh vực an toàn thực phẩm	Cấp tỉnh	X			
67.	2.001682	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	Lĩnh vực an toàn thực phẩm	Cấp tỉnh	X			
68.	1.003951	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	Lĩnh vực an toàn thực phẩm	Cấp tỉnh	X			
69.	2.001660	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	Lĩnh vực an toàn thực phẩm	Cấp tỉnh	X			
70.	1.003860	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm	Lĩnh vực an toàn thực phẩm	Cấp tỉnh	X			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cấp thực hiện	Hình thức thực hiện không phụ thuộc vào địa giới			Ghi chú
					Trực tuyến	Dịch vụ BCCI	Trực tiếp	
71.	2.001595	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm	Lĩnh vực an toàn thực phẩm	Cấp tỉnh	X			
72.	1.003929	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm	Lĩnh vực an toàn thực phẩm	Cấp tỉnh	X			
73.	2.000117	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm do Bộ Công Thương thực hiện	Lĩnh vực an toàn thực phẩm	Cấp tỉnh	X			
74.	2.000115	Cấp lại chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm	Lĩnh vực an toàn thực phẩm	Cấp tỉnh	X			
75.	2.001646	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp tỉnh	X			
76.	2.001636	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp tỉnh	X			
77.	2.001630	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp tỉnh	X			
78.	1.010696	Cấp Giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp tỉnh	X			
79.	2.000666	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp tỉnh	X			
80.	2.000664	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp tỉnh	X			
81.	2.000673	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp tỉnh	X			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cấp thực hiện	Hình thức thực hiện không phụ thuộc vào địa giới			Ghi chú
					Trực tuyến	Dịch vụ BCCI	Trực tiếp	
82.	2.000669	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu.	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp tỉnh	X			
83.	2.000672	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu.	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp tỉnh	X			
84.	2.000648	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp tỉnh	X			
85.	2.000645	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp tỉnh	X			
86.	2.000647	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp tỉnh	X			
87.	2.000190	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp tỉnh	X			
88.	2.000176	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp tỉnh	X			
89.	2.000167	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp tỉnh	X			
90.	2.000626	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp tỉnh	X			
91.	2.000622	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp tỉnh	X			
92.	2.000204	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp tỉnh	X			
93.	2.001624	Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp tỉnh	X			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cấp thực hiện	Hình thức thực hiện không phụ thuộc vào địa giới			Ghi chú
					Trực tuyến	Dịch vụ BCCI	Trực tiếp	
94.	2.000636	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp tỉnh	X			
95.	2.001619	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp tỉnh	X			
96.	2.000637	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp tỉnh	X			
97.	2.000197	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp tỉnh	X			
98.	2.00640	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp tỉnh	X			
99.	1.003977	Cấp giấy phép phân phối rượu	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp tỉnh	X			
100.	1.005376	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép phân phối rượu	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp tỉnh	X			
101.	1.003101	Cấp lại giấy phép phân phối rượu	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp tỉnh	X			
102.	1.001338	Cấp giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp tỉnh	X			
103.	1.001323	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp tỉnh	X			
104.	2.000598	Cấp lại giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp tỉnh	X			
105.	1.004021	Cấp giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp tỉnh	X			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cấp thực hiện	Hình thức thực hiện không phụ thuộc vào địa giới			Ghi chú
					Trực tuyến	Dịch vụ BCCI	Trực tiếp	
106.	1.003992	Cấp lại giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp tỉnh	X			
107.	1.004007	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp tỉnh	X			
108.	2.000073	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	Lĩnh vực kinh doanh Khí	Cấp tỉnh	X			
109.	2.000207	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	Lĩnh vực kinh doanh Khí	Cấp tỉnh	X			
110.	2.000201	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	Lĩnh vực kinh doanh Khí	Cấp tỉnh	X			
111.	2.000194	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	Lĩnh vực kinh doanh Khí	Cấp tỉnh	X			
112.	2.000187	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	Lĩnh vực kinh doanh Khí	Cấp tỉnh	X			
113.	2.000175	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	Lĩnh vực kinh doanh Khí	Cấp tỉnh	X			
114.	2.000196	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	Lĩnh vực kinh doanh Khí	Cấp tỉnh	X			
115.	1.000425	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	Lĩnh vực kinh doanh Khí	Cấp tỉnh	X			
116.	2.000180	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	Lĩnh vực kinh doanh Khí	Cấp tỉnh	X			
117.	2.000387	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	Lĩnh vực kinh doanh Khí	Cấp tỉnh	X			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cấp thực hiện	Hình thức thực hiện không phụ thuộc vào địa giới			Ghi chú
					Trực tuyến	Dịch vụ BCCI	Trực tiếp	
118.	2.000376	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	Lĩnh vực kinh doanh Khí	Cấp tỉnh	X			
119.	2.000371	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	Lĩnh vực kinh doanh Khí	Cấp tỉnh	X			
120.	2.000163	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	Lĩnh vực kinh doanh Khí	Cấp tỉnh	X			
121.	1.000444	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	Lĩnh vực kinh doanh Khí	Cấp tỉnh	X			
122.	2.000211	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	Lĩnh vực kinh doanh Khí	Cấp tỉnh	X			
123.	2.000142	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	Lĩnh vực kinh doanh Khí	Cấp tỉnh	X			
124.	2.000136	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	Lĩnh vực kinh doanh Khí	Cấp tỉnh	X			
125.	2.000078	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	Lĩnh vực kinh doanh Khí	Cấp tỉnh	X			
126.	2.000166	Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	Lĩnh vực kinh doanh Khí	Cấp tỉnh	X			
127.	2.000156	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	Lĩnh vực kinh doanh Khí	Cấp tỉnh	X			
128.	2.000390	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	Lĩnh vực kinh doanh Khí	Cấp tỉnh	X			
129.	2.000354	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	Lĩnh vực kinh doanh Khí	Cấp tỉnh	X			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cấp thực hiện	Hình thức thực hiện không phụ thuộc vào địa giới			Ghi chú
					Trực tuyến	Dịch vụ BCCI	Trực tiếp	
130.	2.000279	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	Lĩnh vực kinh doanh Khí	Cấp tỉnh	X			
131.	1.000481	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	Lĩnh vực kinh doanh Khí	Cấp tỉnh	X			
132.	2.001424	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG	Lĩnh vực kinh doanh Khí	Cấp tỉnh	X			
133.	1.000491	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG	Lĩnh vực kinh doanh Khí	Cấp tỉnh	X			
134.	1.000510	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG	Lĩnh vực kinh doanh Khí	Cấp tỉnh	X			
135.	1.005184	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG	Lĩnh vực kinh doanh Khí	Cấp tỉnh	X			
136.	1.000649	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG	Lĩnh vực kinh doanh Khí	Cấp tỉnh	X			
137.	1.005372	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG	Lĩnh vực kinh doanh Khí	Cấp tỉnh	X			
138.	1.000706	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG	Lĩnh vực kinh doanh Khí	Cấp tỉnh	X			
139.	2.000146	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG	Lĩnh vực kinh doanh Khí	Cấp tỉnh	X			
140.	1.000387	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG	Lĩnh vực kinh doanh Khí	Cấp tỉnh	X			
141.	1.000475	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG	Lĩnh vực kinh doanh Khí	Cấp tỉnh	X			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cấp thực hiện	Hình thức thực hiện không phụ thuộc vào địa giới			Ghi chú
					Trực tuyến	Dịch vụ BCCI	Trực tiếp	
142.	1.000455	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG	Lĩnh vực kinh doanh Khí	Cấp tỉnh	X			
143.	1.000742	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG	Lĩnh vực kinh doanh Khí	Cấp tỉnh	X			
144.	2.000304	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini	Lĩnh vực kinh doanh Khí	Cấp tỉnh	X			
145.	1.000709	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini	Lĩnh vực kinh doanh Khí	Cấp tỉnh	X			
146.	1.000704	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini	Lĩnh vực kinh doanh Khí	Cấp tỉnh	X			
147.	2.000309	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	Lĩnh vực quản lý bán hàng đa cấp	Cấp tỉnh	X			
148.	2.000631	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	Lĩnh vực quản lý bán hàng đa cấp	Cấp tỉnh	X			
149.	2.000619	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	Lĩnh vực quản lý bán hàng đa cấp	Cấp tỉnh	X			
150.	2.000609	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp	Lĩnh vực quản lý bán hàng đa cấp	Cấp tỉnh	X			
151.	2.001573	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp	Lĩnh vực quản lý bán hàng đa cấp	Cấp tỉnh	X			
152.	1.003705	Công nhận chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp	Lĩnh vực quản lý bán hàng đa cấp	Cấp tỉnh	X			
153.	2.000324	Xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp, kiến thức cho đầu mối tại địa phương	Lĩnh vực quản lý bán hàng đa cấp	Cấp tỉnh	X			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cấp thực hiện	Hình thức thực hiện không phụ thuộc vào địa giới			Ghi chú
					Trực tuyến	Dịch vụ BCCI	Trực tiếp	
154.	2.000191	Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	Lĩnh vực Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	Cấp tỉnh	X			
155.	2.000063	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.	Lĩnh vực Thương mại quốc tế	Cấp tỉnh	X			
156.	2.000450	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.	Lĩnh vực Thương mại quốc tế	Cấp tỉnh	X			
157.	2.000347	Cấp Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.	Lĩnh vực Thương mại quốc tế	Cấp tỉnh	X			
158.	2.000314	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Lĩnh vực Thương mại quốc tế	Cấp tỉnh	X			
159.	2.000327	Cấp gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.	Lĩnh vực Thương mại quốc tế	Cấp tỉnh	X			
160.	2.000255	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa	Lĩnh vực Thương mại quốc tế	Cấp tỉnh	X			
161.	2.000370	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn	Lĩnh vực Thương mại quốc tế	Cấp tỉnh	X			
162.	2.000362	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí	Lĩnh vực Thương mại quốc tế	Cấp tỉnh	X			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cấp thực hiện	Hình thức thực hiện không phụ thuộc vào địa giới			Ghi chú
					Trực tuyến	Dịch vụ BCCI	Trực tiếp	
163.	2.000351	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP	Lĩnh vực Thương mại quốc tế	Cấp tỉnh	X			
164.	2.000340	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	Lĩnh vực Thương mại quốc tế	Cấp tỉnh	X			
165.	2.000330	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	Lĩnh vực Thương mại quốc tế	Cấp tỉnh	X			
166.	2.000272	Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP	Lĩnh vực Thương mại quốc tế	Cấp tỉnh	X			
167.	2.000361	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	Lĩnh vực Thương mại quốc tế	Cấp tỉnh	X			
168.	1.000774	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	Lĩnh vực Thương mại quốc tế	Cấp tỉnh	X			
169.	2.000339	Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	Lĩnh vực Thương mại quốc tế	Cấp tỉnh	X			
170.	2.000334	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m ²	Lĩnh vực Thương mại quốc tế	Cấp tỉnh	X			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cấp thực hiện	Hình thức thực hiện không phụ thuộc vào địa giới			Ghi chú
					Trực tuyến	Dịch vụ BCCI	Trực tiếp	
171.	2.000322	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại	Lĩnh vực Thương mại quốc tế	Cấp tỉnh	X			
172.	2.002166	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini	Lĩnh vực Thương mại quốc tế	Cấp tỉnh	X			
173.	2.000665	Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	Lĩnh vực Thương mại quốc tế	Cấp tỉnh	X			
174.	1.001441	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	Lĩnh vực Thương mại quốc tế	Cấp tỉnh	X			
175.	2.000662	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động	Lĩnh vực Thương mại quốc tế	Cấp tỉnh	X			
176.	1.000376	Cấp giấy phép thành lập chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Lĩnh vực Thương mại quốc tế	Cấp tỉnh	X			
177.	1.000361	Cấp lại giấy phép thành lập chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Lĩnh vực Thương mại quốc tế	Cấp tỉnh	X			
178.	2.000129	Điều chỉnh giấy phép thành lập chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Lĩnh vực Thương mại quốc tế	Cấp tỉnh	X			
179.	1.000358	Gia hạn giấy phép thành lập chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Lĩnh vực Thương mại quốc tế	Cấp tỉnh	X			
180.	1.000168	Chấm dứt hoạt động chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Lĩnh vực Thương mại quốc tế	Cấp tỉnh	X			
181.	1.005190	Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại	Lĩnh vực giám định thương mại	Cấp tỉnh	X			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cấp thực hiện	Hình thức thực hiện không phụ thuộc vào địa giới			Ghi chú
					Trực tuyến	Dịch vụ BCCI	Trực tiếp	
182.	2.000110	Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại	Lĩnh vực giám định thương mại	Cấp tỉnh	X			
183.	2.000004	Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Lĩnh vực xúc tiến thương mại	Cấp tỉnh	X			
184.	2.000002	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Lĩnh vực xúc tiến thương mại	Cấp tỉnh	X			
185.	2.000131	Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	Lĩnh vực xúc tiến thương mại	Cấp tỉnh	X			
186.	2.000001	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	Lĩnh vực xúc tiến thương mại	Cấp tỉnh	X			
187.	2.000033	Thông báo hoạt động khuyến mại	Lĩnh vực xúc tiến thương mại	Cấp tỉnh	X			
188.	2.001474	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại	Lĩnh vực xúc tiến thương mại	Cấp tỉnh	X			
189.	2.002604	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Lĩnh vực xúc tiến thương mại	Cấp tỉnh	X			
190.	2.002605	Sửa đổi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Lĩnh vực xúc tiến thương mại	Cấp tỉnh	X			
191.	2.002606	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Lĩnh vực xúc tiến thương mại	Cấp tỉnh	X			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cấp thực hiện	Hình thức thực hiện không phụ thuộc vào địa giới			Ghi chú
					Trực tuyến	Dịch vụ BCCI	Trực tiếp	
192.	2.002607	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Lĩnh vực xúc tiến thương mại	Cấp tỉnh	X			
193.	2.002608	Chấm dứt hoạt động và thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Lĩnh vực xúc tiến thương mại	Cấp tỉnh	X			
194.	2.000026	Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài	Lĩnh vực xúc tiến thương mại	Cấp tỉnh	X			
195.	2.000133	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài	Lĩnh vực xúc tiến thương mại	Cấp tỉnh	X			
196.	1.012471	Xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ tại Hội đồng cấp tỉnh	Lĩnh vực Nghề thủ công mỹ nghệ	Cấp tỉnh	X			
197.	1.012567	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp tỉnh quản lý	Lĩnh vực Phát triển và Quản lý chợ	Cấp tỉnh	X			
198.	1.012427	Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp	Lĩnh vực Cụm công nghiệp	Cấp tỉnh	X			
199.	1.013652	Phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Lĩnh vực Khoáng sản	Cấp tỉnh	X			
200.	1.014125	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản	Lĩnh vực Khoáng sản	Cấp tỉnh	X			
201.	1.014126	Cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản	Lĩnh vực Khoáng sản	Cấp tỉnh	X			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cấp thực hiện	Hình thức thực hiện không phụ thuộc vào địa giới			Ghi chú
					Trực tuyến	Dịch vụ BCCI	Trực tiếp	
202.	1.014127	Thu hồi giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản	Lĩnh vực Khoáng sản	Cấp tỉnh	X			
203.	1.013778	Thủ tục gia hạn thời gian quá cảnh đối với hàng hóa quá cảnh	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	X			
204.	1.000421	Sửa đổi, bổ sung/cấp lại Giấy phép quá cảnh hàng hóa	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	X			
205.	1.013779	Thủ tục cấp giấy phép cho thương nhân được ký hợp đồng đại lý mua, bán hàng hóa xuất khẩu theo giấy phép	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	X			
206.	1.001419	Thủ tục cấp phép nhập khẩu sản phẩm thuốc lá để kinh doanh hàng miễn thuế	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	X			
207.	1.000350	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	X			
208.	1.005405	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	X			
209.	1.005406	Gia hạn giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	X			
210.	1.003438	Thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu các mặt hàng có ảnh hưởng trực tiếp đến quốc phòng, an ninh (nhưng không phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh)	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	X			
211.	1.001062	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	X			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cấp thực hiện	Hình thức thực hiện không phụ thuộc vào địa giới			Ghi chú
					Trực tuyến	Dịch vụ BCCI	Trực tiếp	
212.	1.000957	Thủ tục cấp giấy phép tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	X			
213.	1.000905	Thủ tục cấp giấy phép tạm xuất, tái nhập	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	X			
214.	1.000890	Thủ tục giấy phép kinh doanh chuyển khẩu	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	X			
215.	1.004155	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	X			
216.	1.004181	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	X			
217.	2.001758	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa đã qua sử dụng	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	X			
218.	1.000551	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/cấp lại Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	X			
219.	1.000477	Thủ tục cấp giấy phép quá cảnh hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa cấm kinh doanh theo quy định pháp luật	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	X			
220.	1.013991	Cấp phép nhập khẩu mặt hàng có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh nhưng không phục vụ quốc phòng an ninh	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	X			
221.	1.000363	Cấp phép nhập khẩu tự động thuốc lá điếu, xì gà	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	X			
222.	1.000400	Cấp chứng thư xuất khẩu cho hàng dệt may xuất khẩu sang Mêhico	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	X			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cấp thực hiện	Hình thức thực hiện không phụ thuộc vào địa giới			Ghi chú
					Trực tuyến	Dịch vụ BCCI	Trực tiếp	
223.	1.001238	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	X			
224.	1.001104	Sửa đổi, bổ sung/cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	X			
225.	1.004191	Sửa đổi bổ sung/cấp lại giấy phép kinh doanh tạm nhập tái xuất; giấy phép tạm nhập, tái xuất; giấy phép tạm xuất, tái nhập; giấy phép kinh doanh chuyên khẩu	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	X			
226.	1.014119	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi Mẫu VI	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	X			
227.	1.000665	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi Mẫu D	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	X			
228.	1.000695	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi Mẫu E	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	X			
229.	1.000603	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi Mẫu AK	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	X			
230.	1.000432	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi Mẫu AJ	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	X			
231.	2.000303	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi Mẫu AI	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	X			
232.	1.000694	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi Mẫu AANZ	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	X			
233.	1.999676	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi Mẫu S	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	X			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cấp thực hiện	Hình thức thực hiện không phụ thuộc vào địa giới			Ghi chú
					Trực tuyến	Dịch vụ BCCI	Trực tiếp	
234.	2.000260	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi Mẫu X	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	X			
235.	1.000686	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi Mẫu VJ	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	X			
236.	1.000664	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi Mẫu VC	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	X			
237.	1.000431	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi Mẫu VK	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	X			
238.	1.000382	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi Mẫu EAV	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	X			
239.	1.000490	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi Mẫu A	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	X			
240.	1.000450	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) không ưu đãi Mẫu B	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	X			
241.	1.000430	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu DA59 (cho hàng hóa xuất khẩu đi Châu Phi)	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	X			
242.	1.000398	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu ICO (cho hàng cà phê xuất khẩu)	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	X			
243.	1.003477	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi Mẫu Peru	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	X			
244.	1.003400	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu Thổ Nhĩ Kỳ	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	X			
245.	1.002960	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu Venezuela	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	X			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cấp thực hiện	Hình thức thực hiện không phụ thuộc vào địa giới			Ghi chú
					Trực tuyến	Dịch vụ BCCI	Trực tiếp	
246.	1.001298	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) cho hàng hóa gửi kho ngoại quan đến các nước thành viên theo Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	X			
247.	1.001370	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) cho hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu từ doanh nghiệp chế xuất, khu chế xuất, kho ngoại quan, khu phi thuế quan và các khu vực hải quan riêng khác có quan hệ xuất nhập khẩu với nội địa	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	X			
248.	1.001380	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) cấp sau	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	X			
249.	1.001383	Cấp lại giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O)	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	X			
250.	1.003522	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) giáp lưng	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	X			
251.	2.001372	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu CPTPP	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	X			
252.	1.007968	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu AHK	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	X			
253.	1.008361	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu VN-CU	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	X			
254.	1.008667	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu EUR.1	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	X			
255.	1.010056	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu EUR.1 trong UKVFTA	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	X			
256.	1.010762	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu RCEP	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	X			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cấp thực hiện	Hình thức thực hiện không phụ thuộc vào địa giới			Ghi chú
					Trực tuyến	Dịch vụ BCCI	Trực tiếp	
257.	1.001274	Cấp giấy chứng nhận không thay đổi xuất xứ (CNM)	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	X			
258.	1.013642	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu GSTP	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	X			
259.	1.013643	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu BR9	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	X			
260.	1.000366	Cấp Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong ASEAN	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	X			
261.	1.008882	Cấp sửa đổi, bổ sung Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong ASEAN	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	X			
262.	1.000264	Đăng ký xác nhận Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan xuất khẩu mật ong tự nhiên sang Nhật Bản	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu	Cấp tỉnh	X			
263.	2.000140	Cấp chứng chỉ kiểm định viên	Lĩnh vực an toàn vệ sinh lao động	Cấp tỉnh	X			
264.	2.000066	Cấp lại chứng chỉ kiểm định viên	Lĩnh vực an toàn vệ sinh lao động	Cấp tỉnh	X			
265.	2.000604	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	Lĩnh vực chất lượng sản phẩm hàng hóa	Cấp tỉnh	X			
266.	2.001675	Cấp bổ sung, sửa đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	Lĩnh vực chất lượng sản phẩm hàng hóa	Cấp tỉnh	X			
267.	2.001665	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	Lĩnh vực chất lượng sản phẩm hàng hóa	Cấp tỉnh	X			
268.	1.013989	Cấp quyết định thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực được chỉ định	Lĩnh vực chất lượng sản phẩm hàng hóa	Cấp tỉnh	X			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cấp thực hiện	Hình thức thực hiện không phụ thuộc vào địa giới			Ghi chú
					Trực tuyến	Dịch vụ BCCI	Trực tiếp	
269.	1.013990	Cấp lại quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp	Lĩnh vực chất lượng sản phẩm hàng hóa	Cấp tỉnh	X			
270.	2.000046	Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy các sản phẩm, hàng hóa phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia	Lĩnh vực chất lượng sản phẩm hàng hóa	Cấp tỉnh	X			
271.	1.003390	Thông báo ứng dụng thương mại điện tử bán hàng	Lĩnh vực Thương mại điện tử	Cấp tỉnh	X			
272.	1.000880	Đăng ký hoạt động đánh giá tín nhiệm website thương mại điện tử	Lĩnh vực Thương mại điện tử	Cấp tỉnh	X			
273.	2.000243	Thông báo website thương mại điện tử bán hàng	Lĩnh vực Thương mại điện tử	Cấp tỉnh	X			
274.	1.002968	Thay đổi, chấm dứt thông tin đã thông báo về ứng dụng TMĐT bán hàng	Lĩnh vực Thương mại điện tử	Cấp tỉnh	X			
275.	1.000758	Thay đổi, chấm dứt thông tin đã thông báo về website TMĐT bán hàng	Lĩnh vực Thương mại điện tử	Cấp tỉnh	X			
276.	1.000799	Sửa đổi, bổ sung thông tin đăng ký hoạt động đánh giá tín nhiệm website TMĐT	Lĩnh vực Thương mại điện tử	Cấp tỉnh	X			
277.	1.000667	Nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá	Lĩnh vực công nghiệp tiêu dùng	Cấp tỉnh	X			
278.	1.000981	Cấp giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	Lĩnh vực công nghiệp tiêu dùng	Cấp tỉnh	X			
279.	1.000948	Cấp lại giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	Lĩnh vực công nghiệp tiêu dùng	Cấp tỉnh	X			
280.	1.000911	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	Lĩnh vực công nghiệp tiêu dùng	Cấp tỉnh	X			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cấp thực hiện	Hình thức thực hiện không phụ thuộc vào địa giới			Ghi chú
					Trực tuyến	Dịch vụ BCCI	Trực tiếp	
281.	2.000209	Nhập khẩu thuốc lá nhằm mục đích phi lợi nhuận	Lĩnh vực công nghiệp tiêu dùng	Cấp tỉnh	X			
282.	1.000162	Chấp thuận đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ, đầu tư sản xuất thuốc lá xuất khẩu, gia công thuốc lá xuất khẩu, di chuyển địa điểm theo quy hoạch; đầu tư chế biến nguyên liệu thuốc lá	Lĩnh vực công nghiệp tiêu dùng	Cấp tỉnh	X			
283.	1.000172	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá	Lĩnh vực công nghiệp tiêu dùng	Cấp tỉnh	X			
284.	1.000949	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công chế biến nguyên liệu xuất khẩu	Lĩnh vực công nghiệp tiêu dùng	Cấp tỉnh	X			
285.	1.001335	Nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá tiêu thụ trong nước	Lĩnh vực công nghiệp tiêu dùng	Cấp tỉnh	X			
286.	1.013780	Nhượng bán, xuất khẩu, tái xuất, thanh lý máy móc thiết bị chuyên ngành thuốc lá của các doanh nghiệp sản xuất thuốc lá, chế biến nguyên liệu thuốc lá	Lĩnh vực công nghiệp tiêu dùng	Cấp tỉnh	X			
287.	1.013987	Chấp thuận các tài liệu quản lý an toàn thuộc thẩm quyền của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Lĩnh vực dầu khí	Cấp tỉnh	X			
288.	1.001271	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp tỉnh	X			
289.	2.000618	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp tỉnh	X			
290.	2.000613	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp tỉnh	X			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cấp thực hiện	Hình thức thực hiện không phụ thuộc vào địa giới			Ghi chú
					Trực tuyến	Dịch vụ BCCI	Trực tiếp	
291.	1.000878	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định	Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp tỉnh	X			
292.	2.000401	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định	Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp tỉnh	X			
293.	2.000251	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định	Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp tỉnh	X			
294.	1.001292	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận	Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp tỉnh	X			
295.	2.000628	Cấp bổ sung, sửa đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận	Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp tỉnh	X			
296.	2.000624	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận	Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp tỉnh	X			
297.	2.000206	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	Lĩnh vực an toàn đập, hồ chứa thủy điện	Cấp xã	X			
298.	2.001384	Phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện	Lĩnh vực an toàn đập, hồ chứa thủy điện	Cấp xã	X			
299.	2.002620	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên	Lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	Cấp xã	X			
300.	2.991283	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	Lĩnh vực kinh doanh khí	Cấp xã	X			
301.	2.001270	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	Lĩnh vực kinh doanh khí	Cấp xã	X			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cấp thực hiện	Hình thức thực hiện không phụ thuộc vào địa giới			Ghi chú
					Trực tuyến	Dịch vụ BCCI	Trực tiếp	
302.	2.001261	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	Lĩnh vực kinh doanh khí	Cấp xã	X			
303.	2.000633	Cấp giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp xã	X			
304.	1.001279	Cấp lại giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp xã	X			
305.	2.000629	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp xã	X			
306.	2.000620	Cấp giấy phép bán lẻ rượu	Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp xã	X			
307.	2.001240	Cấp lại giấy phép bán lẻ rượu	Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp xã	X			
308.	2.000615	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ rượu	Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp xã	X			
309.	2.000181	Cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp xã	X			
310.	2.000162	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp xã	X			
311.	2.000150	Cấp lại giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp xã	X			
312.	1.012568	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý	Lĩnh vực tài sản kết cấu hạ tầng chợ do nhà nước đầu tư quản lý	Cấp xã	X			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cấp thực hiện	Hình thức thực hiện không phụ thuộc vào địa giới			Ghi chú
					<i>Trực tuyến</i>	<i>Dịch vụ BCCI</i>	<i>Trực tiếp</i>	
313.	1.012569	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	Lĩnh vực tài sản kết cấu hạ tầng chợ do nhà nước đầu tư quản lý	Cấp xã	X			
314.	2.002096	Cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã	Lĩnh vực công nghiệp địa phương	Cấp xã	X			